

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 28 -12 - 2020.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Độ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Hà và ông Vũ Kim Cương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 50/2020/TB-TA ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Trán Ninh, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C đăng ký kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ngày 15/12/1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, xúc phạm không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 06-2020 cho

đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Lê Văn M, sinh ngày 07/7/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 19/11/2006. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Văn T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Văn M đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Lê Văn C vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, nuôi con, bị đơn anh Lê Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt của bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T kết hôn với anh Lê Văn C trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ngày 15/12/1999, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T quá trình chung sống chị vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được. Hiện anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị đề nghị được ly hôn với anh C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án ra thông báo kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Thể hiện anh C không có thiện chí để hòa giải.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con: Chị T và anh C có 02 con chung là Lê Văn M, sinh ngày 07/7/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 19/11/2006, chị T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Văn T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay cháu Lê Văn T đang sống chung cùng bố, mẹ nhưng cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, Do vậy, cần giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 19/11/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Văn M hiện đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Lê Văn C.

**2. Về nuôi con:** Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Văn T, sinh ngày 19/11/2006 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006599

ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Độ**